

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 57/2024/DS-ST
Ngày: 20-8-2024
V/v tranh chấp hợp đồng
dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CHÂU ĐỐC, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Trọng Điền.
- Ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Khuru Huỳnh Mỹ Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Châu Đốc, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1975; nơi cư trú: số A, Nguyễn Văn L, khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Thái N1, sinh năm 1969; địa chỉ: số C V, phường N, quận B, thành phố Hà Nội;

- Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1971 – Luật sư thuộc Công ty L1; địa chỉ: số C N, tổ dân phố C, phường X, quận B, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1982; nơi cư trú: khóm D, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp; nơi ở hiện nay số H, tỉnh lộ 55A, khóm V, phường C, thành phố C, tỉnh An Giang.

(Bà N, bà T, ông H có mặt, ông N1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:

Khoảng thời gian từ ngày 15/6/2016 đến ngày 24/6/2017 (âm lịch), bà Huỳnh Thị T có vay tiền của bà Nguyễn Thị N để kinh doanh, bà N cho vay hai lần với tổng số tiền là 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng), bà T có làm biên nhận nợ ngày 24/6/2017. Khi cho vay các bên có tự thoả thuận lãi suất 06%/tháng.

Đến hạn trả nợ, bà T không thực hiện đúng thoả thuận nên bà Nguyễn Thị N khởi kiện, yêu cầu bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm trả số tiền còn nợ lại là 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng và yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm kể từ ngày 24/6/2017 cho đến khi xét xử xong.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: 01 giấy ghi nợ viết tay, Biên bản xác minh nơi cư trú.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Huỳnh Thị T trình bày: bà T thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị N nhiều lần với tổng số tiền là 850.000.000 đồng (tám trăm năm mươi triệu đồng), có làm giấy tay nhận nợ ngày 24/6/2017. Khi vay các bên có thoả thuận lãi suất 06%/tháng.

Quá trình vay bà T có trả lãi đầy đủ mỗi tháng cho bà N nhưng không nhớ đã đóng bao nhiêu và không yêu cầu đối với số tiền đã đóng lãi.

Đến năm 2018 do làm ăn thất bại thiếu nợ của nhiều người ở Đồng Tháp, toàn bộ tài sản đã thi hành án để trả nợ hết cho các chủ nợ; hiện tại hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả nợ cho bà N.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu trả số tiền 850.000.000 đồng, bà T không đồng ý vì đã có trả góp cho bà N, bà T yêu cầu không tính lãi suất do hoàn cảnh khó khăn không còn khả năng trả.

Bà N thừa nhận sau khi cho vay, bà T có trả góp được số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và đồng ý khấu trừ số tiền trên, chỉ yêu cầu bà T trả 750.000.000 đồng cùng lãi suất 10%/năm từ thời gian vay (ngày 24/6/2017) đến khi xét xử.

Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự, các đương sự thống nhất về vốn vay nhưng không thống nhất được về phương thức thanh toán.

Tại phiên tòa,

- Ý kiến của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N: chỉ yêu cầu bà Huỳnh Thị T có trách nhiệm trả một lần số tiền 750.000.000 (Bảy trăm năm mươi triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- Ý kiến của bị đơn bà Huỳnh Thị T: bà thừa nhận và đồng ý trả cho bà N số tiền 750.000.000 đồng, yêu cầu trả dần mỗi tháng từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng việc thỏa thuận vay nợ giữa các bên là tự nguyện, trong quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Do đó, việc bà **N** khởi kiện yêu cầu bà **T** có trách nhiệm trả một lần số tiền vốn vay 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng và yêu cầu tính lãi là có căn cứ.

Đối với việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và yêu cầu tính lãi suất là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật, căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ một phần yêu cầu của bà **N**.

Từ những phân tích trên, căn cứ vào các Điều 463, 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay 750.000.000 (bảy trăm năm mươi triệu); Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà **N** đối với bà **T** về số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị N** xác định chỉ khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là bà **Huỳnh Thị T** có nơi cư trú trên địa bàn **thành phố C, tỉnh An Giang** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Châu Đốc theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về ủy quyền tham gia tố tụng: Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị N** ủy quyền cho ông **Nguyễn Thái N1** và ông **Nguyễn Văn H**, đại diện theo ủy quyền ông **H** có mặt, ông **N1** vắng mặt; ông **N1** có đơn xét xử vắng mặt, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông **N1** theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp dân sự về vay tài sản bằng tiền, nên xác định là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

Về nội dung:

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Do quen biết nên Nguyễn Thị N cho bà Huỳnh Thị T vay số tiền 850.000.000 (tám trăm năm mươi triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận 06%/tháng, có lập theo biên nhận ngày 24/6/2017; sau khi vay bị đơn đã trả được số tiền 100.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận còn nợ lại 750.000.000 đồng; do hoàn cảnh khó khăn xin được không trả lãi, chỉ trả vốn gốc.

Xét, thỏa thuận vay nợ giữa bà N và bà T được giao kết trên cơ sở tự nguyện, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên, do bà T không thực hiện thỏa thuận trả nợ theo thỏa thuận nên bà N khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ Khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Nghĩa vụ trả nợ của bên vay: “1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”.

[5] Về yêu cầu tính lãi suất: Các bên đều thừa nhận cho vay có lãi, lãi suất 06%/tháng, bị đơn bà T cho rằng có đóng lãi, nhưng không nhớ số tiền đã đóng và không có yêu cầu đối với số tiền lãi đã đóng nên không xem xét.

Nguyên đơn cho rằng, việc bị đơn còn nợ số tiền vốn vay 750.000.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ nên yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 24/6/2017 cho đến khi xét xử.

Tại khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ trả nợ của bên vay:

“1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn;

.....

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này”

Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải chịu tiền lãi chậm trả là 10%/năm (0,833%/tháng), kể từ ngày chậm thực hiện nghĩa vụ (ngày 24/6/2017) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự là phù hợp.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả vốn gốc số tiền 750.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

[6] Xét rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà N xác định, chỉ yêu cầu bà T trả 750.000.000 đồng, rút lại một phần yêu cầu bà T trả số tiền 100.000.000 đồng

và không tính lãi suất đối với bị đơn bà **T**. Yêu cầu này phù hợp theo phạm vi khởi kiện, nên có cơ sở đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Bị đơn có trách nhiệm trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 244, Điều 147, Điều 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị N** đối với bị đơn bà **Huỳnh Thị T**.

Buộc bà **Huỳnh Thị T** có trách nhiệm trả cho bà **Nguyễn Thị N** số tiền vốn gốc 750.000.000 (Bảy trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị N** đối với bị đơn bà **Huỳnh Thị T** về đối với số tiền vốn gốc 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và tiền lãi suất của tiền vốn 750.000.000 đồng.

Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà **Nguyễn Thị N** không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho bà **N** số tiền 18.750.000 (mười tám triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0003473 ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự **thành phố C**.

Bà **Huỳnh Thị T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.000.000 (*Ba mươi bốn triệu*) đồng.

4. Về quyền kháng cáo:

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn bà **Nguyễn Thị N** và bị đơn bà **Huỳnh Thị T** có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát TPCĐ (1);
- Viện kiểm sát tỉnh An Giang (1);
- Tòa án tỉnh An Giang (1);
- Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

THẨM

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lâm Ngọc Phượng